ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 08 /2021/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 19 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 đối với các bến xe khách thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông Đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

Căn cứ Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần thứ 1 năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 36/TTr-SGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các tiêu chí bến xe khách thấp hơn bến xe khách loại 6 đối với các bến xe khách thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều

kiện kinh tế - xã hội khó khăn trên địa bàn tỉnh Kon Tum (gọi chung là Bến xe khách dưới loại 6).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý hoạt động, khai thác, kinh doanh bến xe khách dưới loại 6 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Bến xe khách dưới loại 6 thuộc vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc địa bàn tỉnh Kon Tum là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng, được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề có các tiêu chí về kỹ thuật và yêu cầu trong công tác quản lý hoạt động thấp hơn tiêu chí của bến xe khách loại 6 được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách 45:2012/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách - sửa đổi lần 1 năm 2015 được ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Vùng sâu, vùng xa, các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thuộc địa bàn tỉnh Kon Tum để xác định xây dựng bến xe dưới loại 6 là các xã trên địa bàn tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thuộc khu vực III.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Bến xe khách dưới loại 6 chỉ phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định nội tỉnh.

2. Bến xe khách dưới loại 6 phải có mặt bằng đỗ xe đảm bảo kết nối thuận lợi và an toàn với đường giao thông, được Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, thống nhất vị trí, quy mô; có phòng làm việc cho nhân viên bến xe và nơi ngồi chờ cho hành khách đi xe.

3. Bến xe khách dưới loại 6 chỉ được đưa vào khai thác hoặc tiếp tục khai thác sau khi đã được Sở Giao thông vận tải công bố hoặc công bố lại theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 5. Tiêu chí của bến xe khách dưới loại 6

1. Diện tích mặt bằng tổng thể tối thiểu 300 m^2.

2. Khu vực đón, trả khách: Có thể bố trí chung, diện tích tối thiểu 120 m^2.

3. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách: Có thể bố trí chung với khu vực đón, trả khách.

4. Khu vực bán vé và làm việc của bộ máy quản lý: Có thể bố trí chung, đảm bảo tối thiểu 3 m^2/người.

5. Khu vực chờ cho hành khách: Có thể phân thành nhiều khu vực trong bến, diện tích tối thiểu 15 m^2 và bố trí ít nhất 06 chỗ ngồi.

6. Khu vực vệ sinh: Có thể bố trí một nhà vệ sinh chung; khu vệ sinh phải thông thoáng, thông gió tự nhiên trực tiếp; đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối.

7. Đất dành cho cây xanh, thảm cỏ: Bố trí tối thiểu 2% tổng diện tích bến xe.

8. Đường cho xe ra, vào bến: Bố trí chung rộng tối thiểu 5 m hoặc riêng biệt đảm bảo xe ra, vào thuận tiện, an toàn.

9. Các tiêu chí khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần thứ 1 năm 2015.

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định này tại địa phương; xác định và quản lý quỹ đất dành cho dự án xây dựng bến xe khách dưới loại 6 theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

2. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan cho phù hợp.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác bến xe khách dưới loại 6

Theo quy định tại điểm 3.3.1, 3.3.2, khoản 3.3 Mục III Thông tư số

49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, đề xuất và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2021; trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 8;
- Bộ Giao thông vận tải (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Chi cục Văn thư - lưu trữ tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HTKT.HMC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Tuấn